



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Thận trọng trước nhịp hồi phục

ASEANSC Research | 03-08-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index diễn biến hồi phục

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu



1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- VN-Index ghi nhận tuần diễn biến hồi phục với thanh khoản giảm nhẹ so với kỳ trước. Chỉ số kết tuần quanh mức 1.735,78 điểm, tăng 2,95% so với thứ Sáu liền trước. Đà hồi phục diễn ra ở nhiều nhóm ngành, trong đó dòng tiền tập trung chủ yếu tại các nhóm Bán lẻ, Thép, Bất động sản và Hóa chất.
- Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục biến động rung lắc trong thời gian tới. Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)
- Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ. Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nới lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index diễn biến hồi phục



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- **Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm cơ hội Trading.** Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- **Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.**
- **Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.**
- **Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).**
- **Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường thuận lợi.** Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- **Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.**
- **Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường.** Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 03/08/2026 – 07/08/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
TCB	Ngân hàng	27 – 28	30 +/-	Thấp (10% - 30%)
VPB	Ngân hàng	23 – 24	26 +/-	
VIB	Ngân hàng	13 – 14	15 +/-	
GMD	Cảng biển	67 – 70	74 +/-	
GVR	Cao su	25 – 26	28 +/-	
BSR	Dầu khí	22 – 24	26 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

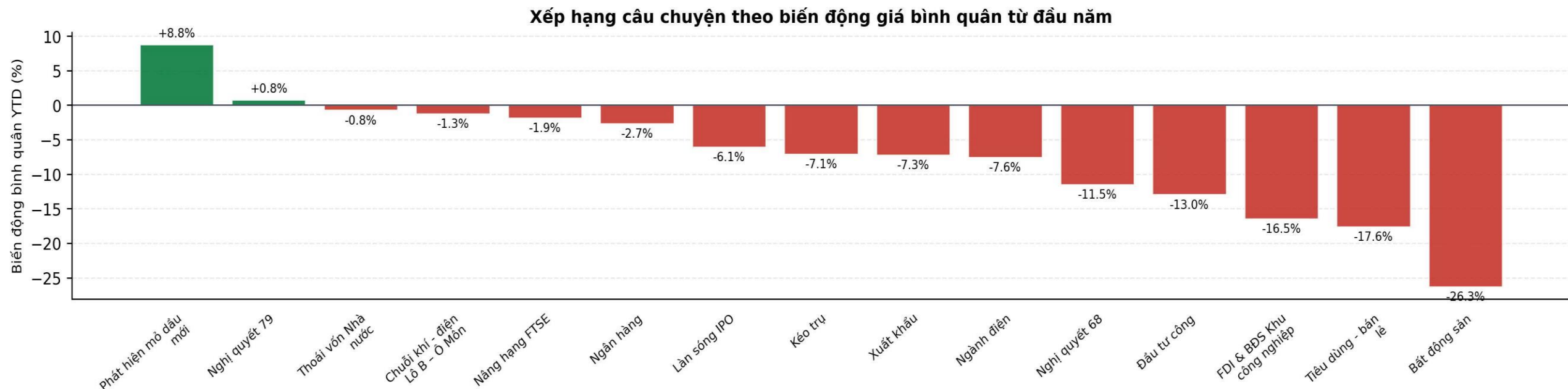
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 27/07/2026 – 31/07/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
ACB	Ngân hàng	21 – 22	N/A
STB	Ngân hàng	68 – 70	N/A
HCM	Chứng khoán	23 – 24	N/A
VNM	Thực phẩm	55 – 57	3,4%
PVD	Dầu khí	17 – 18	N/A
GMD	Cảng biển	68 – 70	5,19%

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN





3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(148)	25	(123)	7%	5%	12.939	24,1	1,5
VNM	264	361	625	28%	1%	20.900	12,0	3,4
BVH	1	13	14	17%	20%	7.423	9,8	1,6
POW	112	(52)	60	10%	29%	30.678	11,9	0,9
VGC	42	2	44	14%	12%	4.484	12,9	1,4
GAS	15	35	51	15%	12%	24.129	16,5	2,3
BSR	(62)	117	55	22%	192%	50.073	9,2	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	1.080	308	1.388	27%	20%	17.035	11,1	2,7
HDB	(78)	(101)	(180)	24%	28%	50.053	7,3	1,5
GMD	264	57	321	17%	44%	4.265	16,4	2,0
DGW	142	(7)	136	19%	1640%	2.213	11,5	2,0
REE	105	3	109	13%	15%	6.229	11,4	1,0
VPB	47	(278)	(231)	17%	35%	79.339	6,6	1,0
ACB	(183)	(209)	(393)	16%	14%	58.044	8,3	1,3
TCB	379	(374)	6	15%	10%	70.862	7,5	1,1
MWG	1.151	30	1.181	25%	525%	14.697	12,2	2,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(148)	25	(123)	7%	5%	12.939	24,1	1,5
OIL	(7)	-	(7)	9%	-10%	2.014	14,9	1,1
GAS	15	35	51	15%	12%	24.129	16,5	2,3
PVS	6	(5)	1	13%	31%	5.114	9,0	1,0
PVD	1	(42)	(42)	7%	-224%	5.563	8,9	0,6
BSR	(62)	117	55	22%	192%	50.073	9,2	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(148)	25	(123)	7%	5%	12.939	24,1	1,5
GVR	21	(13)	8	12%	7%	40.000	14,8	1,6
BVH	1	13	14	17%	20%	7.423	9,8	1,6
POW	112	(52)	60	10%	29%	30.678	11,9	0,9
BID	674	(12)	662	18%	31%	72.801	8,2	1,3
GAS	15	35	51	15%	12%	24.129	16,5	2,3
BSR	(62)	117	55	22%	192%	50.073	9,2	1,7
VCB	1.244	264	1.508	16%	13%	83.557	12,6	1,9
CTG	980	57	1.037	22%	25%	77.669	5,9	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	264	361	625	28%	1%	20.900	12,0	3,4
DGW	142	(7)	136	19%	1640%	2.213	11,5	2,0
MSN	439	255	694	18%	18%	14.459	18,6	2,0
FRT	85	110	195	26%	-69%	1.703	20,1	3,3
MWG	1.151	30	1.181	25%	525%	14.697	12,2	2,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	59	(28)	31	28%	70%	3.795	6,8	1,4
BCM	17	(35)	(19)	15%	26%	10.350	11,4	1,7
KBC	63	(20)	43	6%	112%	9.418	16,2	0,9
VGC	42	2	44	14%	12%	4.484	12,9	1,4
PHR	4	(8)	(4)	20%	7%	1.355	8,8	1,7
SZC	(10)	1	(8)	5%	6%	1.800	20,7	1,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	(381)	(21)	(402)	8%	23%	18.852	29,9	2,3
HDB	(78)	(101)	(180)	24%	28%	50.053	7,3	1,5
BID	674	(12)	662	18%	31%	72.801	8,2	1,3
VPB	47	(278)	(231)	17%	35%	79.339	6,6	1,0
MBB	81	62	143	21%	20%	80.550	6,3	1,2
ACB	(183)	(209)	(393)	16%	14%	58.044	8,3	1,3
VCB	1.244	264	1.508	16%	13%	83.557	12,6	1,9
TCB	379	(374)	6	15%	10%	70.862	7,5	1,1
CTG	980	57	1.037	22%	25%	77.669	5,9	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	822	335	1.157	16%	3%	84.430	7,6	1,1
CTD	114	7	122	9%	169%	1.140	6,9	0,6
HHV	7	4	11	6%	24%	5.472	8,2	0,4
VCG	(58)	8	(50)	36%	112%	6.465	2,4	0,8
BMP	15	7	21	43%	73%	819	9,6	4,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	112	(52)	60	10%	29%	30.678	11,9	0,9
NT2	4	(26)	(22)	27%	300%	2.879	4,5	1,1
TV2	4	(0)	4	6%	211%	3.762	10,1	0,6
GEG	105	3	109	13%	15%	6.229	11,4	1,0
REE	117	11	128	17%	38%	4.113	7,4	1,0
PC1	112	(52)	60	10%	29%	30.678	11,9	0,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	112	(52)	60	10%	29%	30.678	11,9	0,9
GAS	15	35	51	15%	12%	24.129	16,5	2,3
PVS	6	(5)	1	13%	31%	5.114	9,0	1,0
PVD	1	(42)	(42)	7%	-224%	5.563	8,9	0,6



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	1.244	264	1.508	16%	13%	83.557	12,6	1,9
FPT	1.080	308	1.388	27%	20%	17.035	11,1	2,7
VNM	264	361	625	28%	1%	20.900	12,0	3,4
HPG	822	335	1.157	16%	3%	84.430	7,6	1,1
BID	674	(12)	662	18%	31%	72.801	8,2	1,3
TCB	379	(374)	6	15%	10%	70.862	7,5	1,1
CTG	980	57	1.037	22%	25%	77.669	5,9	1,2
VHM	6.926	(3.437)	3.489	27%	5%	41.074	8,2	2,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	1.080	308	1.388	27%	20%	17.035	11,1	2,7
VNM	264	361	625	28%	1%	20.900	12,0	3,4
HPG	822	335	1.157	16%	3%	84.430	7,6	1,1
VPB	47	(278)	(231)	17%	35%	79.339	6,6	1,0
MBB	81	62	143	21%	20%	80.550	6,3	1,2
VCB	1.244	264	1.508	16%	13%	83.557	12,6	1,9
TCB	379	(374)	6	15%	10%	70.862	7,5	1,1
VHM	6.926	(3.437)	3.489	27%	5%	41.074	8,2	2,0
SSI	1.157	(107)	1.050	14%	17%	25.031	10,8	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	225	(50)	175	6%	-2%	4.851	13,9	0,6
PDR	164	(6)	158	5%	-9%	9.978	19,7	0,9
KDH	22	2	23	9%	17%	11.222	16,2	0,9
VHM	6.926	(3.437)	3.489	27%	5%	41.074	8,2	2,0
TCH	1	(14)	(12)	2%	13%	9.121	46,3	0,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	197	18	216	17%	76%	24.349	16,0	2,3
TCX	269	(37)	232	14%	21%	27.739	17,8	2,4
VCI	470	(12)	458	9%	12%	11.476	14,8	1,3
MBS	(11)	(7)	(19)	14%	20%	10.010	10,9	1,1
VND	109	16	125	13%	5%	15.223	9,3	1,2
VIX	411	(237)	174	16%	209%	24.503	15,1	0,7
SHS	148	(20)	128	8%	68%	8.995	13,6	1,1
HCM	26	(17)	9	10%	5%	10.808	20,9	1,9
SSI	1.157	(107)	1.050	14%	17%	25.031	10,8	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
VCB	1.244	264	1.508	16%	13%	83.557	12,6	1,9	59.300	56.681	5%	Nâng hạng FTSE
BID	674	(12)	662	18%	31%	72.801	8,2	1,3	38.000	38.010	0%	Nghị quyết 79
CTG	980	57	1.037	22%	25%	77.669	5,9	1,2	30.800	34.962	-12%	Nghị quyết 79
TCB	379	(374)	6	15%	10%	70.862	7,5	1,1	28.950	34.230	-15%	Nghị quyết 68
VPB	47	(278)	(231)	17%	35%	79.339	6,6	1,0	24.800	27.413	-10%	Nghị quyết 68
HDB	(78)	(101)	(180)	24%	28%	50.053	7,3	1,5	25.200	28.950	-13%	Nghị quyết 68
TCX	269	(37)	232	14%	21%	27.739	17,8	2,4	41.000	37.758	9%	Làn sóng IPO
VCI	470	(12)	458	9%	12%	11.476	14,8	1,3	21.300	24.617	-13%	Nâng hạng FTSE



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
FPT	1.080	308	1.388	27%	20%	17.035	11,1	2,7	67.100	93.709	-28%	Nghị quyết 68
HPG	822	335	1.157	16%	3%	84.430	7,6	1,1	21.700	23.163	-6%	Nâng hạng FTSE
PVS	6	(5)	1	13%	31%	5.114	9,0	1,0	34.100	35.500	-4%	Phát hiện mỏ dầu mới
PVD	1	(42)	(42)	7%	-224%	5.563	8,9	0,6	18.150	17.432	4%	Phát hiện mỏ dầu mới
VNM	264	361	625	28%	1%	20.900	12,0	3,4	60.900	58.438	4%	Nâng hạng FTSE
MSN	439	255	694	18%	18%	14.459	18,6	2,0	66.100	76.800	-14%	Nâng hạng FTSE
MWG	1.151	30	1.181	25%	525%	14.697	12,2	2,8	69.900	86.060	-19%	Nghị quyết 68



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
BSR	(62)	117	55	22%	192%	50.073	9,2	1,7	25.350	16.250	56%	Nghị quyết 79
IDC	59	(28)	31	28%	70%	3.795	6,8	1,4	32.600	31.380	4%	FDI & BĐS Khu công nghiệp
MBB	81	62	143	21%	20%	80.550	6,3	1,2	22.500	24.375	-8%	Ngân hàng
ACB	(183)	(209)	(393)	16%	14%	58.044	8,3	1,3	21.900	20.694	6%	Nghị quyết 68
VHM	6.926	(3.437)	3.489	27%	5%	41.074	8,2	2,0	148.100	127.689	16%	Bất động sản
CTD	114	7	122	9%	169%	1.140	6,9	0,6	61.000	71.043	-14%	Đầu tư công
GEX	792	(138)	654	11%	78%	13.085	13,2	0,6	22.500	28.272	-20%	Nâng hạng FTSE

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**